

Cần có chiến lược toàn diện để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp mà chủ yếu là đất cấy lúa

GS.TS. Phạm Ngọc Kiểm

Ruộng đất đối với sản xuất nông nghiệp nói chung, sản xuất lúa nói riêng có vị trí đặc biệt quan trọng đối với nước ta. Một nghịch lý đã và đang diễn ra là ở một quốc gia đất chật người đông, trên 70 % dân số và lao động lại tập trung ở khu vực nông thôn; dân số tăng lên đều đặn qua các năm. Đây là những áp lực đối với sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Thế nhưng người ta vẫn lấy đất nông nghiệp, đặc biệt là đất cấy lúa để làm đất phi nông nghiệp. Tình trạng quy hoạch “treo” làm cho nhiều nông dân mất đất, không việc làm. Để đảm bảo an ninh lương thực Việt Nam nên có cách nhìn mới: Đưa công nghiệp, sân golf, khu đô thị mới lên miền trung du và miền núi vừa không làm mất đất trồng lúa vừa đảm bảo an toàn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho nước biển dâng cao.

Đối với sản xuất nông nghiệp mà đặc biệt là sản xuất lúa thì đất lại là yếu tố cực kỳ quan trọng. K. Mác đã từng chỉ rõ: “Không kể bản thân con người và lao động của họ, đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng ở mức độ cao nhất, là tư liệu sản xuất duy nhất, đặc biệt”[1]. Bởi lẽ:

a) Đất cho sản xuất nông nghiệp nói chung, cấy lúa nói riêng đối với nước ta là rất hữu hạn. Về cơ cấu đất để có thể sử dụng vào sản xuất nông nghiệp chỉ được khoảng 1 phần tư diện tích tự nhiên. Cha ông ta đã nói về cơ cấu đó: “Tam sơn, tứ hải, nhất phần điền”. Ngày nay, tỷ lệ cho phần điền có tăng hơn do phương tiện canh tác, công tác thủy lợi dẫn thủy nhập điền có nhiều tiến bộ nên một số đất

mà cha ông không sử dụng được thì ngày nay đã được khai phá để nuôi trồng thủy sản, trồng cây lâu năm... Tuy nhiên diện tích đất nông nghiệp vẫn là một đại lượng hữu hạn mà nhất là diện tích cấy lúa lại càng có hạn.

b) Để gieo cấy được nó đòi hỏi phải có hàng loạt các yếu tố ngoại lai để cây lúa có thể phát sinh và phát triển được như: Nhiệt độ, ánh sáng; nguồn nước tưới và tiêu; độ chua phèn và độ mặn của đất...

c) Năng suất cây trồng nói chung, năng suất lúa nói riêng bị giới hạn bởi khả năng sinh học. Để tăng sản lượng bằng nâng cao năng suất là con đường tuyệt vời nhưng cũng bị giới hạn bởi khả năng sinh học của cây trồng, vào quy luật phát sinh và phát triển tự nhiên vốn có của nó.

Chính vì thế mà đối với nông dân Việt Nam họ rất quý đất và coi nó là tài sản vô giá. Cha ông ta đã nói: “Tấc đất tấc vàng”. Chính vì thế mà những năm quản lý theo cơ chế kế hoạch hoá Nhà nước không cho chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang các loại đất khác. Nghị quyết của Hội đồng chính phủ (nay là Chính phủ) về tăng cường công tác quản lý ruộng đất (ngày 28/6/1971 - Điều 4) quy định:

“Một năm trong một xã lấy ruộng đất canh tác dưới 2 hecta để xây dựng thì do uỷ ban hành chính huyện (nay là uỷ ban nhân dân huyện) xét, chủ tịch uỷ ban hành chính tỉnh, thành phố quyết định chuẩn y, trên 2 hecta thì phải được uỷ ban

hành chính tỉnh, thành phố xét, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định chuẩn y"[2]. Nhờ có sự quản lý chặt chẽ đó mà đất trồng cây nông nghiệp nói chung, đất trồng lúa nói riêng không những được giữ vững mà còn mở rộng thêm.

Nhưng trong mấy năm gần đây diện tích đất nông nghiệp mà nhất là đất trồng lúa bị suy giảm nhiều. Sự giảm đất trồng lúa do nguyên nhân:

- Mở rộng cơ sở hạ tầng phục vụ cho lợi ích công cộng như xây dựng hệ thống giao thông; thủy lợi; thủy điện...

- Quá trình đô thị hoá hình thành nhiều khu dân cư mới.

- Hình thành nhiều khu công nghiệp tập trung; khu chế xuất; khu làng nghề...

Sự phát triển của xã hội đòi hỏi phải lấy đất nông nghiệp phục vụ cho sự phát triển đó là tất yếu. Song vấn đề cần trao đổi ở đây là:

a) Có nên lấy nhiều đất nông nghiệp mà đặc biệt là đất cấy lúa để đáp ứng cho các nhu cầu cho việc phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp và đường giao thông không? (gọi chung là đất xây dựng cơ sở hạ tầng)?

b) Làm thế nào để giải quyết được mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế xã hội đòi hỏi tất yếu phải lấy đất xây dựng các cơ sở hạ tầng với đảm bảo công ăn việc làm cho người dân mất đất?

Việc lấy đất để xây dựng hệ thống giao thông; xây dựng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp; xây dựng thủy điện là bất khả kháng. Vấn đề đặt ra là nên quy hoạch và sử dụng hợp lý không để lãng phí diện tích thu hồi rồi bỏ hoang.

Việc xây dựng đô thị mới, xây dựng khu công nghiệp cần đưa lên vùng trung du. Không nên lấy đất nông nghiệp để làm việc này. Thực tế, ở nhiều nước công nghiệp phát triển chẳng hạn như ở Cộng hòa liên bang Đức miền núi mới là nơi mật độ dân cư đông đúc. Bởi lẽ, ở những vùng đó người ta xây dựng công nghiệp. Vùng đồng bằng được bảo vệ cho sản xuất nông nghiệp mà nông nghiệp lại được cơ giới hoá cao

độ. Do đó lao động ở nông thôn rất ít, dân cư thưa thớt.

Ở nước ta trong những năm qua lại diễn ra tình trạng rất vô lý về mặt sử dụng đất. Những khu công nghiệp, những khu đô thị mới mọc lên nhiều mà lại tập trung không chỉ ở vùng đồng bằng mà lại là vùng đồng ruộng phì nhiêu bậc nhất, thích hợp nhất cho sản xuất lúa. Mất đất cho sản xuất lúa theo chúng tôi là không nên vì:

Diện tích để cấy lúa ở đồng bằng là những nơi đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tương đối tốt. Chẳng hạn, các khu công nghiệp ở Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên là những nơi mà đã nhiều năm nhà nước và nhân dân đầu tư công sức, tiền của để xây dựng hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải; hệ thống thủy lợi nội đồng. Nay chuyển sang khu công nghiệp một mặt phủ định toàn bộ công lao đầu tư cho việc xây dựng thủy lợi cho sản xuất nông nghiệp đã đầu tư, mặt khác phá vỡ tính liên hoàn của hệ thống tưới tiêu thủy lợi của cả vùng.

Mất đất sản xuất đã làm cho: "Nông dân phải rời xa nông nghiệp, nông thôn không chỉ vì nghèo đói mà còn do vấn nạn mất đất nông nghiệp. Theo số liệu công bố, Việt Nam hiện có 4,1 triệu ha trồng lúa, trong đó có 3,4 triệu ha được đầu tư thủy lợi hoàn chỉnh, nhưng mỗi năm có hơn 70.000 ha đất trồng lúa đã đầu tư thủy lợi bị mất đi với lý do chuyển mục đích sử dụng. Với việc chuyển đổi mục đích sử dụng này, chưa kể số tiền đầu tư thủy lợi bị mất đi xấp xỉ 7000 tỷ đồng mỗi năm, hàng loạt nông dân vốn sống nhờ vào nông nghiệp cũng bị mất việc làm. Chẳng hạn tại Bắc Ninh, sau khi ruộng đất bị thu hồi để làm khu công nghiệp, chỉ có 5-6% nông dân tìm được việc làm, 94% còn lại chẳng biết xoay xở như thế nào".[3]

Hiện tại, ở nước ta 1 ha đất trồng lúa phải nuôi trên 20 người và còn phải dùng một phần để làm thức ăn cho chăn nuôi. Nếu dân số cứ tăng lên (mà đây là điều tất nhiên không tránh khỏi) thì 1 ha trồng lúa vài ba năm tới phải nuôi

sống 30 người. Tình trạng dân số gia tăng là điều hiển nhiên:

Tốc độ tăng dân số của Việt Nam trong những năm qua

Năm	1995	2000	2005	2006	Sơ bộ 2007
% tăng dân số	1,65	1,36	1,31	1,24	1,21

Nguồn: Tổng cục Thống kê. Niên giám thống kê 2008. NXB Thống kê. Tr. 39.

Dân số ngày càng tăng mà đất cấy lúa ngày càng giảm là điều đáng báo động cho sự an toàn lương thực cho toàn xã hội. Theo kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006 đất trồng lúa năm 2001 là 4.338 nghìn ha nhưng năm 2006 chỉ còn 4.131 nghìn ha; giảm 207 nghìn ha, giảm 4,77% trong vòng 5 năm. Trung bình 1 năm giảm 41,4 nghìn ha.[4]

Sự mở mang công nghiệp có mặt tích cực là làm tăng nhanh GDP, sử dụng được nhiều lao động cho công nghiệp, tăng thu nhập cho dân cư. Nhưng để có đất cho công nghiệp thì nông dân phải mất đất. Mất đất trồng lúa dẫn đến tình trạng mất việc làm của người nông dân.

“Khảo sát 8 xã ở đồng bằng sông Hồng; Đông Nam bộ; đồng bằng sông Cửu Long thì ở nông nghiệp: lao động dưới 40 tuổi không còn, hầu hết lao động lên các đô thị để kiếm việc làm. Riêng tại Thái Bình 45% lao động chuyển khỏi nông nghiệp, 200.000 người phải đi làm ăn xa. Lao động trẻ bỏ đi cầu thực nơi xa, chỉ có những người thất thế và phụ nữ phải ở lại. Đó là những lao động không còn cách nào khác nên phải bám lấy nông nghiệp”[5].

Theo tính toán của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thu hồi 1 ha đất nông nghiệp ảnh hưởng tới việc làm của trên 10 lao động nông nghiệp. Trong 6 năm thu hồi đất có khoảng 2,5 triệu nông dân bị ảnh hưởng đến đời sống. [6]

Trong năm 2008 và đầu năm 2009 kinh tế

thế giới suy thoái, lương thực tăng giá. Việt Nam duy trì được diện tích và sản lượng lúa để xuất khẩu. Nó không chỉ đã giúp cho ta duy trì an sinh xã hội tốt mà còn xuất khẩu thu ngoại tệ.

Tình trạng khủng hoảng kinh tế thế giới ảnh hưởng đến Việt Nam đã làm cho nhiều người mất việc làm từ công nghiệp. Theo tính toán của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) thì số công nhân thất nghiệp năm 2009 của Việt Nam có thể lên tới 300 nghìn người [7]. Lực lượng lao động thất nghiệp đó đổ về quê hương. Quê hương vốn là nơi gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, đất đai quá ít ỏi, lao động dư thừa nhiều thì nay lại tiếp nhận thêm đội quân thất nghiệp kéo về. Nông thôn lại phải gánh thêm đội quân “không mời mà về” này. Nếu ta duy trì được đất nông nghiệp thì mới có cơ hội để “cưu mang” cho đội quân thất nghiệp ở các khu công nghiệp quay về nông thôn. Điều này cho thấy, cần bảo tồn diện tích đất nông nghiệp mà đặc biệt là diện tích cấy lúa. Nó như là cái “van an toàn” cho an sinh xã hội, cho chỗ “trú chân” của đội quân phi nông nghiệp khi mất việc làm.

Mở mang khu công nghiệp nhưng không sử dụng hết diện tích của các dự án đã gây tổn thất lớn về nguồn tài nguyên. Mất cân đối giữa các yếu tố để tái sản xuất: dư thừa lao động mà không có đất canh tác. Trong khi đó, đất canh tác có độ màu mỡ cao lại bỏ hoang do quy hoạch khu công nghiệp “treo” hoặc đã xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp mà không kêu gọi được nhà đầu tư. Cả nước hiện có khoản 1.200 dự án “treo” với diện tích trên 130.000 ha. Các địa phương có nhiều dự án “treo” như Nam Định 80 dự án; TP. Hồ Chí Minh 50 dự án; Quảng Nam 50 dự án; Đồng Nai 40 dự án... Tính đến tháng 4-2008 cả nước có 185 khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập với tổng diện tích 44.895 ha, còn có các KCN, điểm công nghiệp... do UBND các tỉnh, thành phố lập với tổng diện tích 26.000 ha. Trong số này có nhiều

KCN không xây dựng được hoặc không thu hút được vốn đầu tư gây lãng phí tài nguyên đất và vốn bỏ vào để xây dựng cơ sở hạ tầng. KCN Hà Nội - Đài Tư thành lập từ 1995 đến nay mới lấp đầy 18,8%; KCN Đồ Sơn thành lập từ năm 1997 đến nay mới lấp được 24,1%; KCN Mỹ Xuân B1 được thành lập từ 1998 đến nay mới lấp đầy 9,6%. Rất nhiều KCN thành lập từ giữa thập kỷ 90 đến nay đã trên dưới 10 năm mà chưa xây dựng xong cơ sở hạ tầng, chưa có nhà đầu tư nào “để mắt tới”. Cả nước hiện có tới 144 dự án làm sân golf đã được cấp phép với diện tích 44.580 ha.[8] “Việc ồ ạt triển khai các dự án sân golf thiếu quy hoạch tổng thể, thiếu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước đã và đang gây nên sự lãng phí tài nguyên đất”.[9]

Theo tính toán của các chuyên gia thì cứ 1 ha làm sân golf hoặc khu công nghiệp thường kéo theo khoảng 1-2 ha đất không sử dụng được do bị ô nhiễm nước, khí thải. Việc mở rộng các khu dân cư ven đô cũng làm mất đất sản xuất nông nghiệp do nguồn nước sinh hoạt thải với nhiều hoá chất của chất tẩy rửa không qua xử lý chảy tràn lan khiến các sinh vật quanh đó không tồn tại được. Hàng loạt các làng nghề sản xuất mà không đầu tư xử lý nước thải gây ô nhiễm nguồn nước không thể trồng cấy được như ở các làng nghề chế biến nông sản (chế biến sắn, miến dong); chế biến nguyên liệu không phải gỗ (ngâm guột, nứa, tre) “...nhìn chung, việc quy hoạch chuyển mục đích đất nông nghiệp để sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp trong nhiều trường hợp còn chạy theo phong trào của các địa phương, chưa thực sự được cân nhắc một cách kỹ lưỡng”.[10] Thiệt hại do ô nhiễm môi trường rất lớn nhưng nó là chi phí ẩn mà ta chưa đong, đo được. Nó làm cho nhiều diện tích đất, nhiều dòng sông trở thành vùng đất chết, dòng sông chết.

Một vấn đề cần đặc biệt quan tâm liên quan đến sử dụng đất lâu dài của Việt Nam đó là việc biến đổi khí hậu. Sự ấm lên của trái đất sẽ làm cho những miền đất trù phú nhất của nước ta như đồng bằng sông Hồng; đồng bằng sông Cửu

Long; đồng bằng ven biển Miền Trung có nguy cơ ngập chìm trong nước hoặc bị nước mặn xâm thực.

Theo tính toán của Ngân hàng thế giới, Việt Nam là nước thứ 2 trong số 5 quốc gia (Ai Cập, Việt Nam, Băng-la-đét, Su-ri-man và Ba-ha-mát) chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do biến đổi khí hậu (BĐKH). BĐKH gây ra các nguy cơ cho con người trên các mặt:

- Năng suất nông nghiệp bị giảm sút;
- Các hệ sinh thái bị tan vỡ;
- Thời tiết cực đoan;
- Thiếu nước ngày càng gia tăng.

Một khi BĐKH nhiệt độ trái đất ấm lên. Trong vòng một thập kỷ qua, sự ấm lên của trái đất làm cho mực nước biển ở nước ta dâng lên khoảng 3cm.[11] Báo cáo về phát triển con người 2007-2008 của UNDP chỉ ra rằng: nếu nhiệt độ tăng thêm 2⁰C thì nước biển sẽ dâng lên 1 m sẽ làm cho 22 triệu người Việt Nam sẽ mất nhà, 70 đến 90% diện tích đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ ngập chìm trong nước biển, thiệt hại ước tính trên 17 tỷ USD /năm (20% GDP); kéo theo hậu quả sẽ mất 12-15 triệu tấn gạo/năm. Trường hợp xấu nhất xảy ra khi nước biển dâng cao 5 m từ năm 2050 đến năm 2080 thì toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long bị chìm trong nước, sẽ biến mất trên bản đồ thế giới”.[12] “Báo cáo của Ngân hàng thế giới năm 2007 về biến đổi khí hậu cũng chỉ rõ, Việt Nam là một trong hai nước sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất của tình trạng băng tan. Nếu duy trì mức tăng nhiệt độ, Việt Nam có khả năng mất đi 17% đất nông nghiệp. Thậm chí có những chuyên gia tính toán và dự báo rằng, tới năm 2050, vùng Dung Quất có thể bị ngập dưới nước biển do tình trạng băng tan”...“tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện 8% nhưng nếu trừ tổn thất môi trường GDP thực tế của Việt Nam chỉ còn 3- 4%.[13]

Từ những điều trình bày trên chúng tôi cho

rằng, tình trạng BĐKH và chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp thiếu căn cứ khoa học sẽ ảnh hưởng đến an ninh lương thực của Việt Nam bởi 3 nguy cơ:

Thứ nhất, dân số tăng thường xuyên qua các năm. Cầu về lương thực trong nước tăng lên. Để cải thiện mức sống ngoài nhu cầu về lương thực Theo tính toán trong điều tra mức sống dân cư 2006 thì “1 người dân thành thị 109 kg; nông thôn 142 kg” [14] người ta cần nhu cầu về thực phẩm: rau, đậu, củ quả, thịt, trứng, sữa... Dân ta đã có câu: “ăn cơm không rau như ốm đau không thuốc”. Vậy nên phải có vùng chuyên canh rau, chuyên nuôi bò sữa, nuôi trâu, bò, lợn lấy thịt...trong những năm qua do đô thị hoá nhiều vùng chuyên rau ngoại thành Hà Nội bị biến mất. Nó nhường chỗ cho khu chung cư, cho khu công nghiệp.

Thứ hai, đất nông nghiệp màu mỡ nhất đang bị mất rất nhanh do đô thị hoá, công nghiệp hoá, đầu cơ ruộng đất và những dự án phiêu lưu như chuyển đất lúa thành sân golf...

Thứ ba, “...nông dân đã chán sản xuất nông nghiệp vì bị thu nhập cao ở thành thị lôi kéo...” [14]

Trong điều kiện hiện nay, sản xuất nông nghiệp luôn gắn liền với đất. Đất được coi như là một tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế được đối với sản xuất nông nghiệp. Để không chỉ đảm bảo an toàn cho sản xuất lương thực, cung cấp thực phẩm sạch mà còn đảm bảo an toàn cho sản xuất công nghiệp do hậu quả của BĐKH làm nước biển dâng cao chúng tôi cho rằng:

1) Không lấy đất trồng lúa để làm các KCN và khu đô thị mới. KCN phải mở mang ở miền trung du và miền núi. Một khi nơi đó đã thu hút nhiều lao động ắt hình thành khu đô thị mới. Nói cách khác là khu đô thị mới cũng phải đưa lên miền trung du hoặc miền núi. Đây cũng có thể coi như cuộc di dân mà tổ tiên ta đã làm.

2) Không lấy đất hiện đang sử dụng cho

sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh đồng bằng để xây dựng sân golf. Sân golf chỉ xây dựng ở miền núi và trung du. Những người lười biếng thích chơi môn thể thao “vua” là những người có ô tô. Vậy thì việc di chuyển vài chục km chẳng là vấn đề gì.

3) Việt Nam cần đầu tư cho việc chống lại BĐKH khi nước biển dâng cao bằng việc xây dựng hệ thống đê biển vững chắc đồng thời có rừng ngập mặn phía ngoài đê để che chắn đảm bảo độ an toàn cho đê biển khi có gió bão. ■

Tài liệu tham khảo

- 1) K. Mác: Các học thuyết về giá trị thặng dư – Tư bản, quyển 4, tập II, phần I, tr. 14 – Bản tiếng Nga. 1965.
- 2) Nghị quyết của Hội đồng chính phủ về tăng cường công tác quản lý ruộng đất - ngày 28/6/1971 - Điều 4
- 3) Thông tin Kinh tế-xã hội. Đại học Kinh tế quốc dân. Số 46. Tháng 5/2008. Tr.24.
- 4) Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006. NXB Thống kê. Hà Nội 2007 - tập 3. Tr. 41
- 5) GS. Tương Lai. Thông tin Kinh tế-xã hội. Đại học Kinh tế quốc dân. Số 46. Tháng 5/2008. Tr.24
- 6) TTKT XH Số 41 t10-2007. Tr.48
- 7) Đại học Kinh tế quốc dân. Tạp chí Kinh tế & phát triển. Số 141/2009. Tr. 33.
- 8) Huyền Ngân - 1.200 dự án “treo” trên cả nước, lãng phí 130.000 ha đất. TBKT 26-5-2009. Tr.16
- 9) GS. Tôn Gia Huyền –Hội khoa học đất. Thời báo kinh tế Việt Nam. 26-5-2009. Tr. 16.
- 10) Hoàng Thị Vân Anh – Tổng cục quản lý đất. Thời báo kinh tế Việt Nam 26-5-2009. Tr. 16.
- 11) Chu Khôi. Thời báo kinh tế Việt Nam 1/6/2009. Tr. 5
- 12) Đại học Kinh tế quốc dân. Thông tin kinh tế-Xã hội, số 52 t11/2008. Tr. 165
- 13) TTKT XH Số 44 tháng 1-3-2008; Tr.155.
- 14) TTKT XH t5/2008. Tr.15.